



**CÔNG TY CP XÂY LẬP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM (MECOFOOD)  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

*(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



*Long An, ngày 07 tháng 03 năm 2019*

# MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	1
1.1. Thông tin khái quát.....	1
1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh: .....	2
<b>1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</b> .....	2
<b>1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty</b> .....	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	2
<b>1.3.1. Mô hình quản trị</b> .....	2
<b>1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý</b> .....	3
1.4. Định hướng phát triển.....	3
1.5. Các rủi ro .....	4
II Tình hình hoạt động trong năm .....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.....	5
<b>2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:</b> .....	5
<b>2.1.2. Mặt hàng lương thực:</b> .....	6
<b>2.1.3. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:</b> .....	6
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	8
2.4. Tình hình tài chính:.....	8
<b>2.4.1 Tình hình tài chính</b> .....	8
<b>2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:</b> .....	8
2.5. Cơ cấu cổ đông.....	9
<b>2.5.1. Cổ phần</b> .....	9
<b>2.5.2. Cơ cấu cổ đông</b> .....	9
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	9
(báo cáo phát triển bền vững) .....	9
<b>2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu</b> .....	9
<b>2.6.2. Tiêu thụ năng lượng</b> .....	10
<b>2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2018)</b> .....	10
<b>2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</b> .....	11
<b>2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động</b> .....	14
<b>2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương</b> .....	15
<b>III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc</b> .....	15
<b>3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:</b> .....	15
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	18
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:.....	18
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	19
5.1. Hội đồng quản trị.....	20
<b>5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT</b> .....	20
<b>5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT</b> .....	20
<b>5.1.3. Hoạt động của HĐQT:</b> .....	21
5.2. Ban kiểm soát .....	21
<b>5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:</b> .....	21
<b>5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát</b> .....	21
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.....	22



5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):.....	22
5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ:.....	22
VI. Báo cáo tài chính.....	22
6.1. Kiểm toán độc lập.....	22
6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	23



## I. Thông tin chung

### 1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Contruction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sơ kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 07 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 107.778.380.000 đồng
- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân an, tỉnh Long an.
- Số điện thoại: 02723.820509
- Số Fax: 02723.521252
- Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF

### - Quá trình hình thành và phát triển

#### + Những sự kiện quan trọng:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

Ngày 4/4/2018 tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 11/06/2018 vốn điều lệ công ty tăng từ 80.000.000.000 đồng lên 107.778.380.000 đồng và thực hiện niêm yết bổ sung lên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:**

### **1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rơm sậy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

### **1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty**

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

## **1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **1.3.1. Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 2/5 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh.

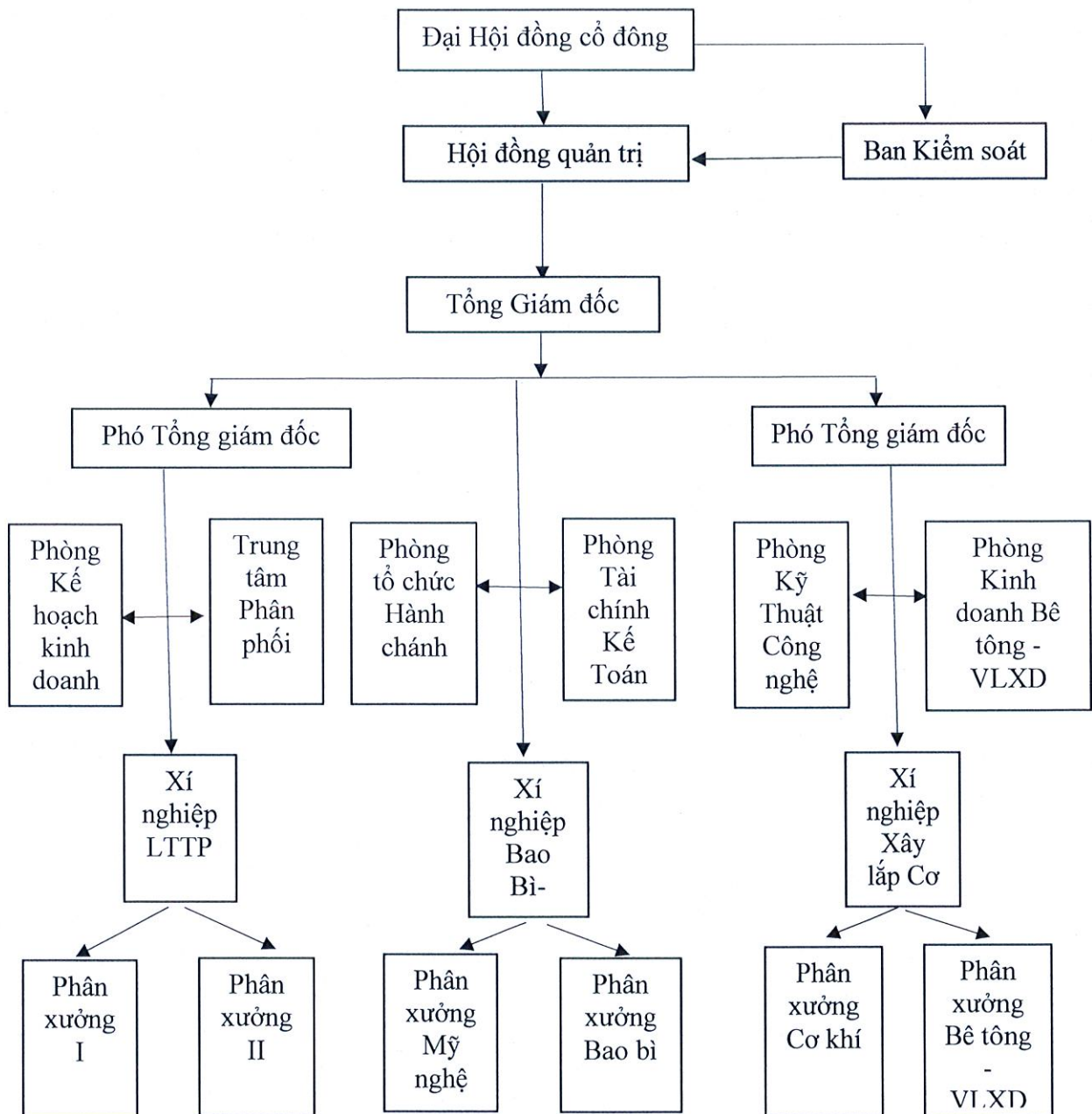
Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

340  
CÔNG TY  
HÀ  
- C  
NG  
C PH  
N

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

### 1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



### 1.4. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, củng cố thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2018, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

### **1.5. Các rủi ro**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## II Tình hình hoạt động trong năm

### 2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quyết tâm và đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt được cụ thể như sau:

#### 2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2018			So cùng kỳ 2017 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	30.000	39.361	131,20	215,55
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>					
1	-Lương thực bán ra	Tấn	30.000	38.390	127,97	176,37
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	10.000	6.854	68,54	138,38
	+ Gạo Nội địa	Tấn	20.000	31.536	157,68	188,45
2	-Bao bì	1000 cái	12.000	9.021	75,18	84,78
3	-Cơ khí	Tỉ đồng	30	17,561	58,54	73,56
4	-Bê tông - VLXD	m3	78.000	71.166	91,24	91,55
5	-Mỹ nghệ	Cont	30	29	96,00	100,00



### 2.1.2. Mặt hàng lương thực:

**Đối với xuất khẩu:** Trong năm 2018 sản lượng gạo xuất khẩu đạt 68,54% (6.854 tấn/10.000 tấn) so với kế hoạch và đạt 138,38% (6.854 tấn/4.953 tấn) so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân do trong năm 2018 tình hình kinh doanh lương thực có nhiều biến động có thời điểm tăng giá, có lúc giảm giá gây khó khăn cho công tác dự đoán, dự báo trong khi giá xuất khẩu không biến động nhiều.

**Đối với tiêu thụ nội địa:** Sản lượng gạo nội địa bán ra trong năm 2018 tăng 157,68% ( 31.536/20.000) tấn và đạt 188,45% (31.536/16.734) tấn so với cùng kỳ đây là ngành hàng mang lại hiệu quả lớn cho Công ty trong năm 2018. Đạt được kết quả trên là do trong năm qua Công ty đẩy mạnh việc khai thác thị trường gạo nội địa tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, trong đó vai trò Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, Trung tâm phân phối Lương thực Thực phẩm và chỉ đạo kịp thời sát sao của Ban Tổng giám đốc Công ty là rất lớn đảm bảo ngành hàng này có tốc độ tăng trưởng tốt trong năm qua.

### 2.1.3. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:

#### a)- Mặt hàng Bao bì:

Bán ra được: 9,021 triệu chiếc, đạt 75,18% so KH và đạt 84,78% so với 2017.

Trong năm 2018 ngành hàng bao bì kinh doanh không đạt về sản lượng và doanh thu theo kế hoạch đề ra, chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị trường và giá bán của các công ty cùng ngành nghề và phụ thuộc nhiều vào tình hình xuất khẩu gạo trong nước.

#### b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:

- Xuất khẩu được: 29 Con't, đạt 96,67% so KH năm và đạt 100% so 2017.

Sản lượng tiêu thụ mặt hàng này ổn định qua các năm và khó tăng sản lượng do nhu cầu khách hàng và đặc thù riêng là sản xuất chủ yếu bằng thủ công, theo thời vụ nên Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong thu tuyển và đào tạo tay nghề cho người lao động. Bên cạnh đó nguyên liệu sản xuất (lúa non, rơm) liên tục tăng theo từng năm và khó mua trong năm 2018 nên làm cho giá thành sản phẩm tăng trong khi đó giá bán không tăng làm cho lợi nhuận mặt hàng Mỹ nghệ sụt giảm.

### 2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

#### a)- Mặt hàng Cơ khí :

- Doanh thu: 17,561 tỷ đồng, đạt 58,54% so với kế hoạch năm 2018 và đạt 73,56% so với năm 2017.

Ngành hàng Cơ khí trong năm 2018 tiếp tục khó khăn và kinh doanh không hiệu quả, doanh thu giảm nhiều so với năm 2017. Nguyên nhân: trong năm qua do ngành không tìm kiếm được hợp đồng lớn chủ yếu là hợp đồng nhỏ lẻ với giá trị rất thấp, lao động đang có xu hướng già hóa, khó thu tuyển, tay nghề công nhân chưa được nâng cao nên năng suất lao động thấp chính vì thế làm doanh thu cơ khí bị giảm mạnh. Với những khó khăn về thị trường, lao động như hiện nay Ban điều hành Công ty nhận định ngành hàng Cơ khí sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn trong thời gian tới.

#### b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:

Tiêu thụ được: 71,166 m<sup>3</sup>, đạt 91,24% so KH năm và đạt 91,55% so 2017.

Mặt hàng bê tông tươi năm 2018 chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị trường tiêu thụ và giá bán khi có thêm nhiều trạm bê tông mới ra đời, mặc dù không đạt được kế hoạch trong năm 2018 (71.166 m<sup>3</sup>/78.000 m<sup>3</sup>) nhưng đây là ngành hàng mang lại lợi nhuận lớn góp phần vào lợi nhuận chung của Công ty. Ngoài ra Công ty đang đầu tư mở rộng

thêm sản phẩm mới là gạch không nung và cọc bê tông làm móng cho công trình nhà xưởng và nhà cao tầng, các sản phẩm trên hiện đang trong giai đoạn thử nghiệm từng bước đã bắt đầu tiêu thụ từ quý 4 năm 2018 dự kiến sẽ tăng sản xuất và tiêu thụ trong năm 2019. Đây là sản phẩm hứa hẹn mang lại lợi nhuận cho ngành hàng bê tông-VLXD của Công ty trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

## 2.2. Tổ chức và nhân sự

### 2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

+ Công ty gồm 5 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán, phòng Kinh doanh Bê Tông và phòng Tổ chức Hành chính), 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ) và 1 Trung tâm Phân phối Lương thực thực phẩm.

### 2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:

#### \* Ông: Nguyễn Văn Kiệt

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964
- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

#### \* Ông Lê Trường Sơn

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963
- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

#### \* Ông: Nguyễn Bình Hiên

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964
- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

#### \* Ông : Lê Hoàng Nhữ

- Ngày tháng năm sinh: 03/04/1961
- Địa chỉ thường trú: Số 303 QL62, Phường 6, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

#### \* Ông Lê Văn Lộc

- Ngày tháng năm sinh: 1957
- Địa chỉ thường trú: 409 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, TP. Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

#### \* Ông Nguyễn Văn Cho

- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1967
- Địa chỉ thường trú: 195D, Châu Thị Kim, P.7, TP.Tân An, Long An

066  
ÔNG  
: Ô P  
LẮP  
LƯƠNG  
THỰC  
N AN

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Bà Trần Thị Phượng**

- Ngày tháng năm sinh: 1965

- Địa chỉ thường trú: 83/10 Cử Luyện P5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng chủ lực với những công trình đầu tư lớn như sau:

**\* Văn phòng Công ty:**

Mua xe ô tô phục vụ công tác : 774 triệu đồng

**\* Mặt hàng bao bì mỹ nghệ:**

Đầu tư 4 máy dệt 6 thoi: 972 triệu đồng

Mua máy cắt may tự động 518 triệu đồng, xe nâng 190 triệu đồng

**\* Mặt hàng Bê Tông -VLXD:**

Đầu tư hệ thống sản xuất gạch không nung trị giá: 304 triệu đồng

Đầu tư xe nâng hàng trị giá 195 triệu đồng

Đầu tư 2 máy tiện 357 triệu đồng

**2.4. Tình hình tài chính:**

**2.4.1 Tình hình tài chính**

*DVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	148,954	175,125	-11,66%
Doanh thu thuần	368,172	547,500	-12,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,577	10,803	-20,85%
Lợi nhuận khác	1,825	1,719	-30,95%
Lợi nhuận trước thuế	12,402	12,522	-22,52%
Lợi nhuận sau thuế	9,920	10,011	-22,63%
Tỷ lệ chia cổ tức	9%/VĐL	6,68%/VĐL	-21,33%

**2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Lần	2,86	2,34	2,78	2,08
2	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,12	0,76	1,06	0,79
3	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	25,29	30,03	21,46	32,82
4	- Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	%	33,86	42,92	27,22	48,85

1038  
 TỶ  
 AN  
 CƠ KHÍ  
 G THỰC  
 PHẨM  
 -T. L.

5	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,79	5	4,79	7,68
6	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DT thuần	%	2,6	3,03	2,69	1,83
7	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	10,32	10,87	8,47	8,51
8	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng TS	%	7,71	7,6	6,66	5,72
9	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,77	29,85	40,54	32,64
10	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,23	70,15	59,46	67,36
11	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	74,71	69,97	78,6	67,18
12	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,86	2,34	2,78	2,08
13	- Tỷ suất LN trước thuế/DT thuần	%	3,34	3,79	3,37	2,29

## 2.5. Cơ cấu cổ đông

### 2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 10.777.838 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.777.838 cổ phiếu
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2018 dự kiến 6,68% trên vốn điều lệ 10.777.838 tỷ đồng.

### 2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.  
Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (6.466.800CP),  
Cổ đông lớn AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited) 627.953CP chiếm 5,82%  
cổ đông là thể nhân, khác nắm giữ 34,18% vốn điều lệ (3.683.085CP). Mệnh giá 10.000 đồng/CP.

- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:

Cổ đông lớn là tổ chức:

+ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 6.466.800 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.

+ AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited), địa chỉ : 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman KY1-9007, Cayman Islands là cổ đông nắm giữ 627.953CP chiếm 5,826% vốn điều lệ

+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

## 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

### 2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:

- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Hạt nhựa nguyên sinh	876,70	Tấn
2	Lúa tươi	1.518,81	Tấn
3	Taical, hạt màu	309,66	Tấn
4	Rơm khô	111,52	Tấn
5	Dầu nhớt	10.780	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	216	Tấn
2	Đá	80.827	m <sup>3</sup>
3	Cát	48.190	m <sup>3</sup>
4	Xi măng	23.582	Tấn
5	Dầu nhớt	6.017	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 33.606 tấn/ năm

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 200 lít/ năm.

#### **b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm**

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dệt lõi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rơm khô và lúa tươi, nguyên liệu dư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

#### **2.6.2. Tiêu thụ năng lượng**

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2018 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 3.483.166 kw/năm

#### **2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2018)**

##### **a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ**

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng

trong năm 2018 là khoảng 1.390 m<sup>3</sup>/năm.

#### **b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 14.625 m<sup>3</sup>/năm. chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

#### **c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 2.100 m<sup>3</sup>/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hằng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

### **2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

#### **a. Bụi, khí thải**

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.
- Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.
- Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...
- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

#### **b. Tiếng ồn, độ rung**

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

### **c. Các biện pháp khống chế nhiệt thừa**

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.
- Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).
- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động ( quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

### **d. Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải**

#### **Nước mưa chảy tràn**

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa

sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

### **Nước thải sinh hoạt**

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiểu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hồ ga sau đó thoát ra công thoát chung.

### **Nước thải sản xuất**

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoại trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

### **e. Biện pháp khống chế ô nhiễm do chất thải rắn**

#### **Đối với chất thải rắn thông thường**

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:
  - + Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai..)
  - + Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa...được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;
- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;
- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

#### **- Đối với chất thải rắn sản xuất**

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

- + Rìa bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.



+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tỉa sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt

**- Đối với chất thải rắn nguy hại:**

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường**

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 3 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.

- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.

- Khống chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

**2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

+ Tổng số CNV lao động là 296 người

+ Mức lương trung bình năm 2018 của Công ty là 7,216 triệu đồng/người/tháng

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo

đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp Bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

### 2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài công tác tập trung sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị cấp trên giao, trong năm 2018 Công ty luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động

- Hoạt động tương thân, tương ái trong CNVC-LĐ vận động trong từng bộ phận, phòng, phân xưởng tổ chức góp vốn xoay vòng để giúp nhau làm kinh tế phụ gia đình; Tổ chức thăm hỏi CNVC-LĐ khi ốm đau, gia đình có hữu sự với tổng số tiền trong năm là 72,55 triệu đồng; tặng quà Tết cổ truyền cho CNVC-LĐ tổng số tiền là 174,256 triệu đồng; chi mua quà 8/3/2018 cho các chị em phụ nữ tổng số tiền là 55,866 triệu đồng, tổ chức tặng quà lễ 30/4/2018 và 01/5/2018 với tổng số tiền là 105,0 triệu đồng, tổ chức Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi 37,01 triệu đồng; Chi tặng quà nhân ngày 20/10 cho Công đoàn viên nữ 11,34 triệu đồng; chi cho toàn thể CNV - NLĐ tham quan nghỉ mát với số tiền 167,5 triệu đồng. Ngoài ra Công ty còn làm tốt công tác ủng hộ từ thiện, xã hội, đền ơn đáp nghĩa tại địa phương với tổng số tiền 13,88 triệu đồng

- Công tác quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ Người lao động: Trong năm, Quỹ đã chi đóng góp xây nhà “Mái ấm Công đoàn” tỉnh Long An là 9,81 triệu đồng; Ủng hộ đồng bào bị thiên tai 40,25 triệu đồng; Hỗ trợ xét đơn xin vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ Người lao động không tính lãi cho 8 trường hợp vay 110 triệu đồng thời hạn là 20 tháng; trợ cấp cho 03 công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 15 triệu đồng.

### III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018			So cùng kỳ 2017(%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2018 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400	549,614	137,40	148,40
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	12,5	12,522	100,18	101,00
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	3,957	5,179	130,88	100,00
4	Tiền lương b/q	Tr đồng	7,157	7,216	100,82	112,50

#### 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018 tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc bắt đầu xảy ra từ đầu năm 2018 và gay gắt hơn vào những tháng cuối năm 2018 cùng với những diễn biến phức tạp về chính trị ở số nước làm cho nền kinh tế chung của thế giới bất ổn định. Ảnh hưởng đến tăng trưởng của nền kinh tế nước ta cũng như tác động không nhỏ đến các ngành hàng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thị trường gạo xuất khẩu theo nhận định của các chuyên gia thì tình hình kinh doanh ngũ cốc năm 2018 sẽ thuận lợi hơn những năm trước đây, tuy nhiên trong năm

qua mọi diễn biến đều không như dự đoán ban đầu. Trung Quốc vẫn là thị trường chi phối sản lượng gạo xuất khẩu của thế giới và Việt Nam, trong khi đó các thị trường xuất khẩu tập trung truyền thống trước đây bị chia nhỏ và cạnh tranh không lành mạnh. Trong nước các doanh nghiệp kinh doanh gạo đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa làm cho thị trường vốn đã khó khăn ngày càng khó khăn hơn.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 gặp rất nhiều khó khăn mới, mặt hàng Cơ khí không có hợp đồng lớn chủ yếu là hợp đồng nhỏ lẻ với giá trị công trình thấp; về mặt hàng Thủ công Mỹ nghệ tuy hợp đồng được ký kết tương đối ổn định, nhưng việc thiếu hụt công nhân có tay nghề ngày càng nhiều làm cho sản lượng và tiến độ giao hàng chưa đạt theo yêu cầu, trong tương lai dự báo việc thiếu hụt công nhân có tay nghề của ngành hàng này ngày một trầm trọng; mặt hàng Bê tông tươi thì cạnh tranh gay gắt bởi các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề, và có nhiều trạm mới ra từ đầu năm 2018, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng đột biến và khó thu mua nhất là nguyên liệu đá, cát.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty luôn đoàn kết thống nhất vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của Tổng Công ty, của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức, chủ động phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu phần đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2018

### 3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2019

#### + Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	520,000	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	12,800	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	4,105	
4	Tiền lương bình quân người LĐ	Tr đồng	7,373	

#### + Các chỉ tiêu mua vào bán ra:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2018	GHI CHÚ
1	<b>- Lương thực mua vào quy gạo:</b>	<b>Tấn</b>	<b>30.000</b>	
	Trong đó : + Gạo các loại :	Tấn	28.000	
	+ Lúa các loại :	Tấn	4.000	
	<b>- Lương thực bán ra quy gạo</b>	<b>Tấn</b>	<b>30.000</b>	
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	10.000	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	20.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120)	Triệu cái	12.000	
3	Mỹ nghệ	Con't	30	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	30	
5	Bê tông	M <sup>3</sup>	78.000	

**+ Các giải pháp đối với các ngành hàng:**

**- Mặt hàng lương thực:**

- Để đạt được kế hoạch trong năm 2019, Công ty phải tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, đặc biệt là củng cố và phát triển thị trường gạo nội địa; đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

- Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty xác định thị trường nội địa là nền tảng kinh doanh bền vững và tiềm năng để tăng sản lượng, tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2019 và những năm tiếp, do đó cần chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng, tiếp cận hệ thống phân phối, cải tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến bao bì cho phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

- Thị trường xuất khẩu phải giữ được những thị trường, khách hàng hiện có, tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường nhiều hơn nữa để tăng sản lượng xuất khẩu.

Tìm kiếm khách hàng có đầu ra gạo xuất khẩu mạnh để quan hệ ký hợp đồng cung ứng xuất khẩu .

- Quản lý tốt chất lượng tại vùng nguyên liệu, công tác thu mua và chất lượng đầu vào, phân loại, cơ cấu hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động trong kinh doanh của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên từ Công ty đến Xí nghiệp.

- Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp đổi mới công nghệ chế biến từ máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng nhằm ổn định chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

**- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:**

Mặt hàng Mỹ nghệ: Tập trung nghiên cứu chế tạo thiết bị, công cụ hỗ trợ, đưa vào ứng dụng sản xuất một số công đoạn thay thế cho lao động thủ công nhằm tăng năng suất lao động, đáp ứng thực trạng không thu tuyển được lao động để sản xuất mặt hàng này trong nhiều năm qua. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, đối với mặt hàng Mỹ nghệ như tăng tỷ lệ thu hồi sậy, tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm như: giảm lúa phế, rơm phế và tận dụng lúa phế, rơm phế làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào xem đây làm nhiệm vụ hàng đầu năm 2019 để tiết giảm chi phí cho Công ty trong điều kiện khó tăng sản lượng và chi phí mua lúa, rơm ngày càng tăng.

Cuối năm 2018 Ban điều hành Công ty đã chủ động tìm kiếm nhà cung cấp để bao tiêu nguồn nguyên liệu lúa non, ứng dụng cơ giới để thu hoạch lúa non thay cho cách làm thủ công như trước đây. Với cách làm này, Công ty sẽ có nguồn nguyên liệu ổn định, chi phí thấp sẽ tiết giảm chi phí đầu vào góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh mặt hàng này trong năm 2019.

Mặt hàng Bao bì: Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

- Mạnh dạng thay thế thiết bị máy dệt củ bằng máy mới hiện đại để sản xuất sản phẩm tốt nhằm giảm giá thành để tăng tính cạnh tranh với thương trường.

- Dự đoán việc kinh doanh Bao bì sẽ tiếp tục gặp khó khăn do đó để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh ngành hàng này trong năm 2019, Ban điều hành Công ty cần phải linh hoạt chọn thời điểm mua nguyên vật liệu với giá thấp nhất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bộ phận bán hàng cần tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo để tăng sản lượng bán ra.

#### **- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông & VLXD:**

Mặt hàng Cơ khí: Tiếp tục duy trì sản xuất đảm bảo thu nhập để giữ chân nhân công sản xuất trực tiếp nhất là đội ngũ công nhân lành nghề. Tiếp tục cải tiến mẫu mã, nâng cao tính năng và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất. Có chính sách tiền lương hợp lý để giữ và thu tuyển công nhân có tay nghề cao vào làm việc nhằm đảm bảo sản xuất được ổn định và đảm bảo tiến độ giao hàng. Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu chất lượng gạo ngày càng cao.

Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng: Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Tăng cường công tác quảng cáo tiếp thị chào bán sản phẩm mới là cọc bê tông và gạch không nung để tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Chú trọng đối với các công trình dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là các công trình của nhà nước để tiếp thị bán gạch không nung.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

#### **4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Nhìn chung năm 2018 là một năm đầy khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với chi phí đầu vào tăng cao như: giá nguyên vật liệu, năng lượng, tiền lương công nhân,... nhưng giá bán sản phẩm tăng không nhiều, thậm chí có những mặt hàng phải giảm giá để bán được hàng. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2018, để đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNV - NLD, vừa phải đề ra những biện pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, tái cơ cấu lao động, nâng cao năng suất lao động, tạo một bước chuyển biến mới để phát triển Công ty ngày càng bền vững.

Với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, bằng sự chỉ đạo đúng hướng của HĐQT, sự quản lý điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của Ban Tổng giám đốc, cùng sự thống nhất, nỗ lực, quyết tâm vì mục tiêu chung của toàn thể CNV -NLD nên năm 2018 Công ty đã đạt 137,40% kế hoạch doanh thu và 100,18% kế hoạch lợi nhuận mà Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông giao, đây là thành quả của chuỗi ngày làm việc không biết mệt mỏi của Ban lãnh đạo và toàn thể CNV – NLD Công ty đáng được biểu dương và cần phát huy hơn nữa trong năm 2019.

#### **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

Nhìn chung trong năm 2018 tình hình kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn:

Đối với ngành hành cơ khí gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng, có rất ít hợp đồng lớn chủ yếu là các hợp đồng nhỏ lẻ với giá trị thấp.

Ngành hàng lương thực xuất khẩu kinh doanh trầm lắng có rất ít hợp đồng tập trung. Trong nước các doanh nghiệp kinh doanh gạo đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa làm cho thị trường bị chia nhỏ.

Đối với ngành hàng bao bì giá dầu thế giới liên tục biến động trong thời gian qua làm ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào của ngành hàng bao bì như hạt nhựa

Đối với ngành hàng bê tông VLXD chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá bán và thị trường, nguyên liệu đầu vào như cát đá có thời điểm tăng đột biến, khan hiếm, khó thu mua gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của ngành hàng này

Đứng trước những khó khăn trên nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thể hiện rất tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo, đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2018, thực hiện theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, không để phát sinh công nợ khó đòi và kinh doanh có hiệu quả, tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

#### **4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

Năm 2019, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2019 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 và các năm tiếp theo và phấn đấu đạt mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.
- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;
- Quan tâm, chia sẻ hài hòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và của người lao động trong Công ty;

#### **V. Quản trị Công ty**

100  
CÔNG  
CỔ  
Y LẮP  
LƯƠNG  
THỰC  
PHẨM

## 5.1. Hội đồng quản trị

### 5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 03 thành viên trực tiếp điều hành và 02 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.

+ 02 thành viên không trực tiếp điều hành:

Ông Lê Văn Lộc Ủy viên

Ông Lê Hoàng Nhữ Ủy viên

+ 03 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt Chủ tịch

Ông Lê Trường Sơn Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiền Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2018.

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.493.220	23,132%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 23%
Ông Lê Trường Sơn	2.185.239	20,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Nguyễn Bình Hiền	1.868.608	17,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 17%
Ông Lê Hoàng Nhữ	-	-	
Ông Lê Văn Lộc	41.360	0,384%	Trong đó vốn cá nhân 0,384%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.588.427</b>	<b>61,128%</b>	

Cổ phần thuộc vốn tập thể và cá nhân khác 4.189.411 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,872% vốn điều lệ.

### 5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	7/7	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT	7/7	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiền	UV HĐQT	7/7	100 %	
4	Lê Văn Lộc	UV HĐQT	7/7	100 %	
5	Lê Hoàng Nhữ	UV HĐQT	7/7	100 %	

### 5.1.3. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

## 5.2. Ban kiểm soát

### 5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Võ Văn Lệt	TBKS	538	0.005	
2	Bà Nguyễn Thị Bảy	TV BKS	1.538	0,0142	
3	Bà Trần Thị Yến	TV BKS	52.812	0,49	

### 5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.



Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2018, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2018. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### 5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/BanKiểm soát.

#### 5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

#### 5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
	Trần Thị Yên	TV BKS	40.500	0,5	39.200	0,49	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
					52.812	0,49	Ngày 11/ 6/2018 tăng vốn điều lệ
	Trần Thị Phượng	KTT	5.800	0,072	6.000	0,075	Mua khớp lệnh qua sàn
					8.083	0,075	Ngày 11/ 6/2018 tăng vốn điều lệ

## VI. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được đăng tải trên website [www.mecofood.com.vn](http://www.mecofood.com.vn), trang thông tin cổ đông)

### 6.1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CN Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC). Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		117.970.017.448	88.571.606.566
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.575.070.024	4.370.769.730
111	1. Tiền		1.575.070.024	4.370.769.730
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		42.934.718.513	29.292.470.588
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	42.963.785.435	28.016.240.894
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	7.602.103.500	8.221.382.454
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	37.770.253	723.787.915
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.668.940.675)	(7.668.940.675)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	73.327.687.730	54.908.366.248
141	1. Hàng tồn kho		73.327.687.730	54.908.366.248
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		132.541.181	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		132.541.181	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		57.155.501.949	60.382.502.551
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		90.200.000	90.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	90.200.000	90.200.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		51.753.841.204	55.046.625.367
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	51.753.841.204	55.046.625.367
222	- Nguyên giá		115.201.515.208	113.442.471.825
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.447.674.004)	(58.395.846.458)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		737.803.229	737.803.229
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(737.803.229)	(737.803.229)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	9	5.311.460.745	5.245.677.184
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		5.021.110.927	5.223.049.414
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		290.349.818	22.627.770
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<u>175.125.519.397</u>	<u>148.954.109.117</u>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>57.469.977.069</b>	<b>31.872.562.580</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>56.842.977.069</b>	<b>31.872.562.580</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.951.962.001	14.659.398.485
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	8.448.723.499	6.812.239.421
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	980.964.402	658.859.684
314	4. Phải trả người lao động		2.185.284.134	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	90.609.256	95.287.605
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	536.119.970	1.279.753.565
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	25.298.461.055	6.672.755.796
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	240.808.679	440.776.284
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.110.044.073	1.253.491.740
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>627.000.000</b>	<b>-</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	627.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>117.655.542.328</b>	<b>117.081.546.537</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>117.655.542.328</b>	<b>117.081.546.537</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		107.778.380.000	80.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		107.778.380.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(31.818.182)	(76.363.636)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.118.066	26.119.630.702
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.904.862.444	11.038.279.471
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.945.138	1.200.721.885
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.900.917.306	9.837.557.586
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>175.125.519.397</b>	<b>148.954.109.117</b>

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Phụng

Kế toán trưởng



Trần Thị Phương



Lê Trường Sơn

**-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018**

Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm  
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Thành phố Tân An, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2018 VND	2017 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	547.585.505.021	368.685.281.710
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	84.913.089	512.901.800
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		547.500.591.932	368.172.379.910
11	4. Giá vốn hàng bán	22	492.228.486.048	322.632.781.228
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.272.105.884	45.539.598.682
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	275.843.308	365.587.005
22	7. Chi phí tài chính	24	3.227.444.248	859.225.826
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.198.143.316	790.103.730
25	8. Chi phí bán hàng	25	18.215.433.790	15.883.131.316
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.301.796.662	18.585.384.793
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.803.274.492	10.577.443.752
31	11. Thu nhập khác	27	1.834.117.216	1.830.251.249
32	12. Chi phí khác	28	115.000.000	5.635.616
40	13. Lợi nhuận khác		1.719.117.216	1.824.615.633
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.522.391.708	12.402.059.385
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.511.074.402	2.350.215.022
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	131.486.777
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.011.317.306	9.920.357.586
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	929	804

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Phụng

Kế toán trưởng  
  
Trần Thị Phụng

Long An, ngày 22 tháng 02 năm 2019  
Tổng Giám đốc  
  
Lê Trường Sơn

110066  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XÂY LẮP- CƠ KHÍ  
VÀ LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM  
TÂN AN - T. LONG AN

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018 (Theo phương pháp trực tiếp)

Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm  
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Thành phố Tân An, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2018  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		588.939.590.662	368.277.771.243
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(525.274.791.905)	(283.257.216.050)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.962.060.751)	(36.342.755.019)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.198.143.316)	(790.103.730)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.030.215.022)	(2.296.575.722)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.962.580.899	32.331.151.849
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.549.148.889)	(41.199.702.805)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(10.112.188.322)</i>	<i>36.722.569.766</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.577.765.431)	(11.293.190.579)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.000.001	299.840.908
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		81.548.787	37.128.980
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(3.269.216.643)</i>	<i>(10.956.220.691)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		371.281.117.006	66.244.920.134
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(352.655.411.747)	(88.713.304.338)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.040.000.000)	(9.152.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>10.585.705.259</i>	<i>(31.620.384.204)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(2.795.699.706)</i>	<i>(5.854.035.129)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.370.769.730	10.226.993.321
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(2.188.462)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.575.070.024</u>	<u>4.370.769.730</u>

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Phụng

Kế toán trưởng  
  
Trần Thị Phụng

Long An, ngày 22 tháng 02 năm 2019  
Tổng Giám đốc  
  
Lê Trường Sơn

038 - C.T.C  
Y  
N  
C.KH  
THUC  
IM  
LONG AN

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY**  
**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Kiệt*